

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 169/2023/HC-PT

Ngày 22/3/2023

V/v khiếu kiện quyết định hành chính

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Hà;

Các Thẩm phán:

Ông Ngô Tự Học;

Ông Nguyễn Vũ Đông.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Ly, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuyền, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm, công khai, vụ án hành chính thụ lý số 319/2022/TLPT-HC ngày 02 tháng 8 năm 2022 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính”, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 62/2021/HC-ST ngày 06 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2442/2022/QĐ-PT ngày 06 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Ông Trịnh Hồng C (Trịnh Đình C), sinh năm 1954; nơi cư trú: số nhà 27 đường bờ đê, thôn An D, xã An D, huyện An D, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Hà Thị Kim V, sinh năm 1958; nơi cư trú: Tổ 34B Cụm 5 Đông Kh (nay là số 90 ngõ 272 Đà N, tổ 31 phường Đồng Kh), quận Ngô Q, thành phố Hải Phòng; có mặt.

*** Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện An D, trụ sở: số 15 đường 351, thị trấn An D, huyện An D, thành phố Hải Phòng; *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Phạm Việt H - Chủ tịch; vắng mặt; *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Lê Văn C1 - Phó Chủ tịch; có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông vận tải thành phố Hải Phòng; *Người đại diện:* Ông Vũ Đức Q1, sinh năm 1983 - Trưởng phòng Dự án 2; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện ngày 11/11/2019; Đơn khởi kiện bổ sung và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện là ông Trịnh Đình C (Trịnh Hồng C) trình bày:*

Gia đình ông Trịnh Hồng C có diện tích đầm nuôi trồng thủy sản là 5.444m² tại địa chỉ thôn bờ đê An D, thành phố Hải Phòng. Theo ông C thì đất này không phải loại đất hợp đồng thầu khoán của xã An Đ mà có nguồn gốc từ ông Nguyễn Hữu Nghĩa khai hoang phục hóa từ năm 1980. Ông Nghĩa sử dụng liên tục từ đó đến khi chuyển nhượng cho ông C. Ông C góp vốn với ông Nghĩa từ năm 1990 để tu tạo đầm nuôi trồng thủy sản.

Đến ngày 04/11/1992, Ủy ban nhân dân (UBND) xã An Đ ra làm hợp đồng để quản lý và thu thuế nhưng thực chất vẫn là đất đầm của ông Nghĩa khai hoang mà có. Năm 1997, ông Nghĩa yếu và đã báo cáo UBND xã An Đ chuyển toàn bộ diện tích đất đầm và tài sản gắn liền với đất sang cho ông C. Ông C sử dụng liên tục từ đó đến nay đồng thời thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật cho UBND xã An Đ và huyện An D.

Tháng 8/2018, UBND thành phố Hải Phòng thực hiện dự án xây dựng nút giao nam cầu Bính có đi qua một phần đất nhà ông C và thông báo cho ông C thu hồi 3.931m². Việc tiến hành thu hồi đất này gia đình ông C không nhận được quyết định thu hồi theo quy định của pháp luật mà chỉ thông báo tổng thể 03 hộ gia đình thuộc diện thu hồi đất phục vụ dự án, không gửi thông báo đến từng hộ gia đình cá nhân theo quy định của pháp luật. Khi thực hiện thu hồi đất không cắm mốc giới, chỉ đưa thông báo thu hồi đất của gia đình ông C là 3.931m². Toàn bộ đất bị thu hồi và tài sản trong biên bản kiểm kê bàn giao mặt bằng không kết luận là loại đất gì; tiền giá đất không chính xác, tài sản dưới đầm là phải có cá chưa được đền bù; mặt nước nuôi trồng thủy sản chỉ tính 70%... đồng thời chưa tính quyền lợi hỗ trợ người bị thu hồi đất chuyển đổi việc làm để ổn định cuộc sống...

Ông C đã kiến nghị nhiều lần và được UBND huyện An D trả lời bằng Công văn số 1188/UBND-BQLDA ngày 04/10/2019 về việc trả lời đơn kiến nghị của ông C. Ông C không đồng ý với nội dung công văn nêu trên và khởi kiện ra Tòa án yêu cầu hủy Công văn số 1188/UBND-BQLDA ngày 04/10/2019 để đảm bảo quyền lợi cho gia đình ông.

Ông C đề nghị trả lại nguyên trạng nguồn gốc đất cho gia đình ông là đất khai hoang phục hóa. Đồng thời xem xét lại phương án bồi thường theo đúng nguồn gốc diện tích đất của nhà ông.

** Người bị kiện UBND huyện An D, thành phố Hải Phòng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông vận tải thành phố Hải Phòng có quan điểm:*

- UBND huyện An D chưa nêu quan điểm giải quyết vụ án. Ngày 09/6/2021 UBND huyện An D chỉ mới cung cấp các tài liệu có liên quan đến giải quyết vụ án

sau rất nhiều lần Tòa án có Công văn đôn đốc yêu cầu UBND huyện An D cung cấp tài liệu chứng cứ và nêu ý kiến của đối với yêu cầu khởi kiện. Trong quá trình giải quyết nhiều rất nhiều lần UBND huyện An D vắng mặt không thể tiến hành đối thoại được. Tòa án đã lập biên bản về việc không đối thoại được để làm căn cứ giải quyết vụ án.

- Tại phiên tòa sơ thẩm: Người khởi kiện ông Trịnh Hồng C tự nguyện rút yêu cầu đối với việc chưa tính quyền lợi hỗ trợ người bị thu hồi đất chuyển đổi việc làm để ổn định cuộc sống. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông vận tải thành phố Hải Phòng có quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của ông C như sau: Ban quản lý dự án xét hồ sơ, phương án bồi thường do UBND huyện An D gửi lên Ban quản lý để căn cứ vào hồ sơ đó chủ đầu tư chi trả bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân thuộc diện di dời nằm trong dự án.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 62/2021/HC-ST ngày 06/9/2021, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã quyết định: Căn cứ Điều 30, Điều 32; khoản 2 Điều 116; Điều 143; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 66, khoản 3 Điều 69, Điều 75; Điều 76 Luật Đất đai 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

- Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là ông Trịnh Đình C về việc hủy Văn bản số 1188/UBND-BQLDA ngày 04/10/2019 của UBND huyện An D về việc xem xét trả lời đơn của ông Trịnh Đình C và hủy phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất do UBND huyện An D phê duyệt đối với trường hợp gia đình ông do việc bồi thường, hỗ trợ còn thiếu các hạng mục: Xác định nguồn gốc sử dụng đất không đúng, đất khai hoang phục hóa từ năm 1985-1986, không phải đất do UBND xã giao; Chưa đền bù 02 tấn cá giống; Hỗ trợ 50% tiền lán trại gà, vịt, còn thiếu 50%; Tiền mặt nước nuôi trồng tính 70%, còn thiếu 30%; Chưa tính chi phí đào đắp 9.656m³.

- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu hỗ trợ tiền chuyển đổi công ăn việc làm, dạy nghề (do gia đình đã bị thu hồi trên 84% diện tích đất).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 14/9/2021, người khởi kiện ông Trịnh Hồng C kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện ông Trịnh Hồng C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày: Gia đình ông Nguyễn Hữu Nghĩa khai hoang phục hóa từ năm 1990, sau đó ông Nghĩa mời ông C làm chung. Năm 1997, các bên tách ra làm riêng. Hợp đồng chia đầm được ông Nghĩa lập từ năm 1997, năm 1998 ông C thực hiện nghĩa vụ đóng

thuế đối với Nhà nước. UBND xã An Đ lập Hợp đồng số 12/14.11.2012 với ông C. Đất là do khai hoang phục hóa chứ không phải đất giao thầu khoán. Biên bản bàn giao mặt bằng không ghi rõ nguồn gốc đất, loại đất không đúng nên ông C đã khiếu nại, kiến nghị từ cấp huyện đến thành phố. Giữa ông C và ông Nghĩa có viết giấy chuyển nhượng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C.

Đại diện Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông vận tải thành phố Hải Phòng trình bày: Ông C kiến nghị 4 vấn đề theo tôi ông C đang kiến nghị đối với Ban quản lý dự án xây dựng huyện An D là cơ quan chủ quản chứ không phải đối với Ban quản lý các dự án công trình giao thông vận tải thành phố Hải Phòng. Do đó, tôi không có ý kiến gì về việc ông C kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình tham gia tố tụng của các đương sự, quá trình tiến hành tố tụng của thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của ông Trịnh Hồng C, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của ông Trịnh Hồng C nộp trong thời hạn và đúng với quy định tại Điều 205, Điều 206 Luật tố tụng hành chính nên hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

[1.2] Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết là đúng quy định tại khoản 2 Điều 3; Điều 30; khoản 3, 4 Điều 32; a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[1.3] Về việc vắng mặt của các đương sự: Người bị kiện đã được Tòa án triệu tập hợp lệ rất nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Căn cứ Điều 168 Luật Tố tụng hành chính Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người bị kiện là UBND huyện An D.

[2] Về nội dung:

Xét nội dung yêu cầu khởi kiện và đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Trịnh Hồng C đề nghị hủy Văn bản số 1188/UBND-BQLDA ngày 04/10/2019 của UBND huyện An D về việc xem xét trả lời đơn của ông Trịnh Đình C và hủy phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất do UBND huyện An D phê duyệt đối

với trường hợp gia đình ông do việc bồi thường, hỗ trợ còn thiếu các hạng mục: Xác định nguồn gốc sử dụng đất không đúng, đất khai hoang phục hóa từ năm 1985-1986, không phải đất do UBND xã An Đông giao; Chưa đền bù 02 tấn cá giống; Hỗ trợ 50% tiền lán trại gà, vịt, còn thiếu 50%; Tiền mặt nước nuôi trồng tính 70%, còn thiếu 30%; Chưa hỗ trợ tiền chuyển đổi công ăn, việc làm, dạy nghề (do gia đình đã bị thu hồi trên 84% diện tích đất); Chưa tính chi phí đào đắp 9.656m³, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành: Căn cứ vào đơn của ông Trịnh Hồng C kiến nghị một số nội dung liên quan đến lập phương án bồi thường, hỗ trợ thực hiện dự án xây dựng nút giao nam cầu Bính tại xã An Đông, huyện An Đông, thành phố Hải Phòng. Tại Văn bản số 1188/UBND-BQLDA ngày 04/10/2019 của UBND huyện An Đông về việc xem xét trả lời đơn của ông Trịnh Hồng C thôn An Đông, xã An Đông, huyện An Đông: UBND huyện An Đông ban hành Văn bản số 1188/UBND-BQLDA ngày 04/10/2019 về việc xem xét trả lời đơn khiếu kiện của ông C về việc kiến nghị một số nội dung liên quan đến việc lập phương án bồi thường, hỗ trợ thực hiện dự án xây dựng nút giao nam cầu Bính tại xã An Đông, huyện An Đông, trả lời, giải quyết các kiến nghị của người dân về phương án bồi thường hỗ trợ trong đó có hộ ông Trịnh Hồng C là đúng quy định tại khoản 2 Điều 66; khoản 3 Điều 69 Luật đất đai 2013.

[2.2] Về nguồn gốc diện tích đất và phương án bồi thường về đất: Tại Giấy chuyển nhượng ngày 02/8/1998 giữa ông Nguyễn Hữu Nghĩa và ông Trịnh Hồng C thể hiện: “Căn cứ Hợp đồng số 12 ngày 04/11/1992 của UBND xã An Đông, giao thầu diện tích khai hoang phục hóa bãi bồi bên sông ngoài đê...”, gia đình ông Nghĩa và gia đình ông C đã thỏa thuận viết giấy để giao số diện tích đầm nuôi trồng thủy sản là 5.400m² (15 sào) để ông C làm căn cứ thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất với UBND xã quản lý; Biên bản bàn giao đầm ngày 25/01/2006 giữa ông Nghĩa với ông C bàn giao diện tích tổng thể 5.400m² cho gia đình ông C và toàn thể khu nhà ở, công trình phụ, vườn cây ăn quả, chuồng trại... để chuyển UBND xã An Đông làm thủ tục đăng ký hợp đồng mới với gia đình ông C. Ngày 10/8/2008, ông C có đơn xin hợp đồng đầm ao gửi UBND xã An Đông đề nghị tạo điều kiện làm hợp đồng đầu thầu cho gia đình để ổn định phát triển kinh tế. Ngày 31/10/2008, UBND xã An Đông ký Hợp đồng trúng thầu đầm, hồ, ao, bãi bồi mặt bằng diện tích đất công số 105/HĐ-KT với ông Trịnh Hồng C. Theo đó, UBND xã An Đông đồng ý cho ông C ký hợp đồng chăn nuôi thủy sản tại đầm quai đê An Đông, thôn An Đông, diện tích 5.444m². Trong đó, diện tích thả cá là 5.200m², diện tích cây trồng 244m²; thời gian kể từ ngày 31/10/2008 đến 31/10/2013 là 05 năm.

Ông C cho rằng diện tích đất đầm do ông Nghĩa khai hoang phục hóa từ trước năm 1990, tuy nhiên ông C không xuất trình được một trong các loại giấy tờ theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 nên không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Mặt khác, thời điểm chuyển nhượng diện tích đầm, bãi bồi năm 1998, giữa ông Nghĩa và ông C cũng đã thống nhất về nguồn gốc diện tích đầm do nhận giao thầu của UBND xã An Đông theo Hợp đồng số 12 ngày 04/11/1992. Do

đó, UBND huyện An D xác định tại trích lục nguồn gốc đất là đất bãi bồi ven sông do UBND xã An Đ ký hợp đồng giao thầu với hộ gia đình, cá nhân là có căn cứ. Hộ ông C không được bồi thường về đất theo quy định tại các Điều 75, 76 Luật Đất đai 2013; chỉ được bồi thường về chi phí đầu tư vào đất còn lại theo điểm b khoản 1 Điều 4 Quyết định số 2680/2014/QĐ-UBND ngày 03/12/2014 của UBND thành phố Hải Phòng: “được bồi thường bằng 20% giá đất nuôi trồng thủy sản cùng vị trí trong bảng giá đất”. UBND huyện An D áp dụng giá đất nuôi trồng thủy sản theo quy định tại Quyết định số 2970/2014/QĐ-UBND ngày 25/12/2014 của UBND thành phố Hải Phòng quy định về bảng giá đất thành phố Hải Phòng 05 năm (2015-2019) và áp dụng điểm d khoản 1 Điều 4 Quyết định số 2680/2014/QĐ-UBND ngày 03/12/2014: “Đối với đất nuôi trồng thủy sản đạt các tiêu chí về sản xuất hiệu quả, giá trị kinh tế cao thì mức bồi thường quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều này được điều chỉnh theo hệ số (k) bằng 2” do đạt tiêu chí về sản xuất hiệu quả, giá trị kinh tế cao là đúng quy định. Mặt khác, đối với trường hợp xác định nguồn gốc đất do hộ gia đình, cá nhân tự khai hoang thì mức giá bồi thường theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 Quyết định số 2680/2014/QĐ-UBND: “Đất nuôi trồng thủy sản do tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tự khai hoang thì được bồi thường bằng 20% giá đất nuôi trồng thủy sản cùng vị trí trong bảng giá đất”, do đó, đối với yêu cầu này thì quyền lợi của hộ gia đình ông C đã được đảm bảo.

Về việc đền bù 02 tấn cá giống: Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 17 Quyết định số 2680/2014/QĐ-UBND ngày 03/12/2014 của UBND thành phố Hải Phòng: “vật nuôi giữa chu kỳ sản xuất được bồi thường bằng 70%) mức giá” là mức bồi thường cao nhất đối với vật nuôi thủy sản. UBND huyện An D đã phê duyệt hỗ trợ nuôi cá các loại thâm canh đối với 3.493,7m² mặt nước với đơn giá bồi thường là 8.500 đồng/m² mặt nước theo Phụ lục 03 ban hành kèm theo Quyết định số 58/2015/QĐ-UBND là đảm bảo quyền lợi của hộ gia đình ông C.

Về số tiền hỗ trợ lán trại gà, vịt: Căn cứ Điều 12 khoản 2 Quyết định số 2680/2014/QĐ-UBND ngày 03/12/2014 của UBND thành phố Hải Phòng: “đối với các nhà chòi được xây dựng trên đất nông nghiệp của hộ gia đình cá nhân: c) Giới hạn số lượng nhà chòi để tính bồi thường: Diện tích đất đến 5ha/1 nhà chòi”. Các nhà chòi xây dựng trên đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân phục vụ trông coi bảo vệ sản xuất được tính bồi thường 01 nhà chòi, diện tích 30m², đối với diện tích đất sử dụng đến 0.5ha (=5.000m²). Diện tích nhà chòi vượt quá theo quy định trên chỉ được hỗ trợ 50% giá trị xây mới. Đối chiếu với phương án bồi thường hỗ trợ ban hành kèm theo Quyết định số 3642/QĐ-UBND ngày 05/12/2018, UBND huyện An D đã bồi thường đảm bảo quyền lợi cho hộ dân.

Đối với khối lượng đào đắp 9.656m³: UBND huyện An D ban hành Quyết định số 3642/QĐ-UBND ngày 05/12/2018 về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ của UBND huyện An D, hộ gia đình ông C được phê duyệt khối lượng đắp bờ đầm tổng cộng là 2.688,6m³, phù hợp với khối lượng đã được kê khai tại Biên bản ngày 07/9/2018, đã được ông C ký xác nhận, về đơn giá, UBND huyện An D áp

dụng điểm 2 bảng 1 Quyết định số 58/2015/QĐ-UBND phê duyệt chi phí đắp bờ đê tại chỗ là: 90.000 đồng/m³ với hệ số 100% là có căn cứ. Ông C thống kê khối lượng đào đắp là 9.656m³ chưa được bồi thường nhưng không xuất trình được chứng cứ tính toán khối lượng 9.656m³, tại Biên bản kiểm kê ngày 07/9/2018 ông cũng không có ý kiến về việc kiểm kê thiếu, đề nghị bổ sung nên không có cơ sở để chấp nhận đối với yêu cầu này.

Đối với việc hỗ trợ tiền chuyển đổi công ăn, việc làm, dạy nghề (do gia đình đã bị thu hồi trên 84% diện tích đất): Tại phiên tòa sơ thẩm ông C tự nguyện rút yêu cầu này nên Bản án sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của ông C là đúng quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên thấy rằng, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Trịnh Đình C (Trịnh Hồng C) là có căn cứ, đúng pháp luật. Ông C kháng cáo là không có căn cứ chấp nhận.

[3]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4]. Về án phí: Ông Trịnh Hồng C là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên thuộc trường hợp được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241; khoản 1 Điều 349 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Trịnh Hồng C (Trịnh Đình C); giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 62/2021/HC-ST ngày 06 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2]. Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Trịnh Hồng C.

[3]. Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND Tp Hải Phòng;
- VKSND Tp Hải Phòng;
- Cục THADS Tp Hải Phòng;
- Các đương sự (theo địa chỉ).
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Việt Hà

